

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1708/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2017

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Thủy

2. Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Vinh – Thư ký Tòa án Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 522/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2017 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐHPT-ST ngày 05 tháng 12 năm 2017) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1980; Địa chỉ: phường 10, quận Gò Vấp, Tp. HCM

Bị đơn: Ông Dương Tâm E, sinh năm 1977; Địa chỉ: phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: phường 10, quận Gò Vấp, Tp. HCM
(Bà D có mặt; Ông E vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ D và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Dương Tâm E quen biết năm 2000, đến năm 2002 tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 251, quyền số 2/2002 do Ủy ban nhân dân phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/2002.

Trong thời gian chung sống ông bà có hai con chung tên Dương Ngọc Á, sinh ngày 12/11/2002 và Dương Ngọc T, sinh ngày 10/3/2010. Ông bà chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên thường xảy ra xung đột giữa

hai bên. Đến năm 2015 thì ông bà quyết định sống ly thân. Bà D ở tại phường 10, quận Gò Vấp để nuôi dưỡng hai con chung. Ông E tạm trú tại phường 10, quận Gò Vấp để sinh sống. Vì hai căn nhà gần nhau nên ông E cũng tiện thăm con nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không cải thiện được.

Tháng 03/2017 bà D và ông E nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Sau đó cả hai rút yêu cầu để cố gắng nỗ lực hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay bà D xác định tình cảm dành cho ông E không còn, khả năng hàn gắn gia đình hạnh phúc không có nên bà yêu cầu ly hôn với để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà D đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự giải quyết. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Dương Tâm E mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông E không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông E nhưng ông E vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông E.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Dương Tâm E có địa chỉ cư trú tại phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Nên bà Nguyễn Thị Mỹ D gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà D và ông E thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung năm 2002; Cả hai có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 251, quyển số 2/2002 do Ủy

ban nhân dân phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/2002. Nay bà D yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ D có mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn là ông Dương Tâm E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên nhân chính là do cả hai không hợp tính tình nên thường xuyên bất đồng và xảy ra xung đột. Hiện nay bà D xác định tình cảm dành cho ông E không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về phía ông E, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông E luôn vắng mặt. Tòa án không tiến hành được phiên họp và hòa giải; Đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông E là có cơ sở theo quy định pháp luật.

Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà D và ông E tại địa phương. Kết quả xác minh thể hiện do cả hai đương sự sống ở hai địa chỉ khác nhau nên địa phương không nắm được tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tài liệu chứng cứ bà D cung cấp trong hồ sơ vụ án có Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 319/2017/QĐST – HNGĐ ngày 22/03/2017 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Cho thấy bà D và ông E đã từng thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Nhưng cả hai đã rút yêu cầu này và Tòa án đã đình chỉ giải quyết bằng quyết định trên. Mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được nên các đương sự không tiếp tục chung sống với nhau, cả hai ông bà sống ly thân và cư trú ở hai địa chỉ khác nhau thể hiện đời sống vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Bà D tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn ông E. Việc ông E không đến Tòa án cho thấy ông E không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, bỏ mặc hôn nhân và gia đình của mình. Cuộc sống hôn nhân của bà D và ông E lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà D có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét, do ông E vắng mặt và yêu cầu này của bà D phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ Á và T. Vì quyền lợi mọi mặt của người con nên việc giao con chung cho bà D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà D không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông E. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông E cho đến khi bà D có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn ông Dương Tâm E (Giấy chứng nhận kết hôn số 251, quyển số 2/2002 do Ủy ban nhân dân phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/2002 không còn giá trị).

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Dương Ngọc Á, sinh ngày 12/11/2002 và Dương Ngọc T, sinh ngày 10/3/2010.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông E đến khi bà D yêu cầu.

Ông Dương Tâm E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông E lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông E.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xét.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà D chịu, nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng bà D đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2016/0018278 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQG;
- CCTHADS QGV;
- UBND P10, QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị